

QUY TRÌNH DẠY HỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ TRỮ TÌNH TRONG SÁCH GIÁO KHOA TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỪ LÝ THUYẾT TÍN HIỆU THẨM MỸ

Lê Thị Thùy Vinh

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Tóm tắt. Dạy đọc văn bản thể nào để thực sự hiệu quả là câu hỏi không ngừng được trả lời trong lĩnh vực nghiên cứu về vấn đề đọc hiểu. Đối với thể loại thơ ca trữ tình, một thể loại đặc biệt của văn bản văn học, vấn đề đọc hiểu như thế nào để có thể tiếp nhận và giải mã hình tượng thơ ca, hướng tới nhận hiểu tư tưởng của nghệ sĩ có nhiều ý nghĩa quan trọng. Trong bài viết này, chúng tôi ứng dụng lý thuyết tín hiệu thẩm mỹ, một lý thuyết có vai trò tích cực trong việc giải quyết mối quan hệ giữa bình diện ngôn ngữ và bình diện ngữ nghĩa của văn bản để xác lập một quy trình dạy học đọc hiểu văn bản thơ trữ tình trong SGK THPT. Với quy trình này, người giảng dạy sẽ có những căn cứ khoa học để giải mã văn bản thơ ca trữ tình.

Từ khóa: quy trình dạy học, đọc hiểu văn bản, thơ trữ tình, tín hiệu thẩm mỹ.

1. Mở đầu

Đọc hiểu văn bản là quá trình giải mã những tín hiệu ngôn từ để tìm đến thông điệp nội dung mà người tạo lập văn bản gửi gắm. Vì thế, mục đích của việc dạy học đọc hiểu văn bản là phải trang bị cho người học phương tiện, cách thức để xử lý một cách hiệu quả quá trình giải mã này.

Văn bản thơ ca trữ tình là dạng thức văn bản nghệ thuật biểu hiện và cảm xúc. Tính biểu cảm của các thành tố trong văn bản nói chung, những cảm xúc của chủ thể trữ tình của người phát ngôn ra văn bản nói riêng chính là đặc trưng cơ bản nhất làm nên thể loại này. Nói như Bêlinxki “Tất cả những cái gì gây bận tâm, làm xao xuyến, tạo niềm vui, làm sâu muộn, làm say mê, gây đau khổ, làm yên tâm, làm lo lắng; tóm lại, tất cả những gì tạo ra nội dung đời sống tinh thần của chủ thể, tất cả những gì hòa nhập vào người anh ta, nảy sinh trong đó, những cái đó được loại trữ tình chấp nhận như là tài sản hợp pháp của nó” [1; tr268]. Dạy học đọc hiểu văn bản thơ trữ tình cũng vì thế phải hướng đến làm rõ đặc trưng thể loại của thơ ca trữ tình. Bàn về vấn đề dạy học đọc hiểu thơ trữ tình, phải nói đến những công trình của nhóm tác giả Trần Thanh Đạm, Đàm Gia Cẩn, Huỳnh Lý, Hoàng Như Mai [2], Phan Trọng Luận [3] mở đường cho việc nghiên cứu về loại thể văn học. Tiếp đó, Nguyễn Viết Chữ trong cuốn *Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương (theo loại thể)* [4] đã trình bày một số phương pháp, biện pháp dạy học tác phẩm văn học theo đặc trưng loại thể, trong đó có thơ trữ tình... Như thế, tất cả các công trình của những nhà nghiên cứu đều hướng đến rèn luyện năng lực đọc hiểu thơ trữ tình bằng nguyên tắc và phương pháp dạy học văn gắn với đặc trưng thể loại.

Ngày nhận bài: 11/7/2020. Ngày sửa bài: 27/8/2020. Ngày nhận đăng: 10/9/2020.

Tác giả liên hệ: Lê Thị Thùy Vinh. Địa chỉ e-mail: lethithuyvinh@hpu2.edu.vn

Trong các công cụ để giải mã nội dung thông tin, cấu trúc văn bản, chúng tôi nhận thấy lí thuyết tín hiệu thẩm mĩ là một lí thuyết có vai trò tích cực trong việc giải quyết mối quan hệ giữa bình diện ngôn ngữ và bình diện ngữ nghĩa của văn bản. Nói cách khác đọc hiểu văn bản thơ ca trữ tình từ lí thuyết tín hiệu thẩm mĩ sẽ giúp người đọc xác lập cấu trúc ý nghĩa của văn bản thông qua cấu trúc hình tượng, cấu trúc ngôn ngữ một cách khách quan và toàn diện nhất.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Lí thuyết tín hiệu thẩm mĩ trong ngôn ngữ học

Người đặt cơ sở cho việc nghiên cứu tín hiệu thẩm mĩ ở Việt Nam là Đỗ Hữu Châu. Ông cho rằng “*Phương tiện sơ cấp (primaire) của văn học là các tín hiệu thẩm mĩ. Nói rõ hơn, đơn vị của phương tiện văn học là các tín hiệu thẩm mĩ, cú pháp của cái ngôn ngữ - tín hiệu thẩm mĩ này là cú pháp – tín hiệu thẩm mĩ. Rồi các tín hiệu thẩm mĩ đó mới được thể hiện bằng các tín hiệu thông thường (và cú pháp thông thường)*”. [5; tr779]; “*Các đơn vị ngôn ngữ thông thường là cái biểu hiện của tín hiệu thẩm mĩ và ngữ pháp thông thường là cái biểu hiện của ngữ pháp – tín hiệu thẩm mĩ*” [5; tr780]. Những luận điểm trên cho thấy sự tồn tại của tín hiệu thẩm mĩ trong văn chương cũng như bước đầu chỉ ra đặc điểm cấu tạo của tín hiệu thẩm mĩ.

Cái cốt lõi của khái niệm tín hiệu thẩm mĩ chính là phải hiện thực hóa được cấu trúc nội tại của nó, từ đó để thấy được cơ chế tạo nghĩa của tín hiệu trong tác phẩm văn chương. Như đã nói, tín hiệu ngôn ngữ tự nhiên là chất liệu để tạo nên tín hiệu thẩm mĩ. Tín hiệu ngôn ngữ có hai mặt: mặt biểu đạt là âm thanh (chữ viết) và mặt được biểu đạt là nội dung nhận thức, tư tưởng, tình cảm của con người. Khi cấu tạo tín hiệu thẩm mĩ, “*cả cái hợp thể cái biểu hiện và cái được biểu hiện của ngôn ngữ thông thường lại trở thành cái biểu hiện cho một cái được biểu hiện mới*” [5; tr779]. Như thế, sự chuyên hóa từ tín hiệu ngôn ngữ thông thường (tự nhiên) thành tín hiệu thẩm mĩ trong nghệ thuật văn chương là sự chuyên hóa về chất. Với quan niệm như thế, có thể hình dung tín hiệu thẩm mĩ trong văn chương qua sơ đồ chuyên hóa tín hiệu như sau [6; tr142]

Tín hiệu thẩm mĩ trong văn chương		
Cái biểu đạt (tổng thể hai mặt của tín hiệu ngôn ngữ)		Cái được biểu đạt
Cái biểu đạt của tín hiệu ngôn ngữ	Cái được biểu đạt của tín hiệu ngôn ngữ	Ý nghĩa thẩm mĩ
Âm thanh (chữ viết)	Ý nghĩa ngôn ngữ	

Trên cơ sở sơ đồ trên, có thể phát biểu về khái niệm tín hiệu thẩm mĩ trong văn chương như sau:

Tín hiệu thẩm mĩ trong văn chương là một loại tín hiệu có chức năng thẩm mĩ. Nó được tạo ra nhờ sự chuyên hóa về phương diện cấu tạo từ tín hiệu ngôn ngữ tự nhiên: cái biểu đạt và cái được biểu đạt của ngôn ngữ tự nhiên đóng vai trò cái biểu đạt của tín hiệu thẩm mĩ, còn cái được biểu đạt của tín hiệu thẩm mĩ lại mang một ý nghĩa thẩm mĩ mới.

2.2. Đọc hiểu văn bản và yêu cầu của việc dạy học đọc hiểu văn bản thơ trữ tình trong chương trình SGK THPT

Đọc hiểu văn bản là một nội dung nghiên cứu đã thu hút tâm sức của rất nhiều nhà khoa học giáo dục trên thế giới cũng như ở Việt Nam trong khoảng 50 năm trở lại đây. Cùng với thời gian, lí thuyết đọc hiểu ngày càng được bổ sung đầy đủ, hệ thống, phong phú và đa dạng trên các phương diện. Về cơ bản, các nhà giáo dục học trong và ngoài nước đều khẳng định:

- Đọc hiểu là một năng lực của tiếp nhận văn bản, là cái đích cuối cùng của việc đọc.
- Đọc là một quá trình linh hoạt, phức tạp; hiểu là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố, không

chỉ là kết quả của quá trình đọc khách quan từ văn bản và các yếu tố của văn bản mà còn có vai trò chủ quan “kiến tạo” của người đọc dựa trên văn bản.

- Để đọc hiểu tốt, có hiệu quả, người đọc cần trang bị cho mình nhiều hành trang trong đó tri thức nền và các chiến thuật đọc hiểu văn bản có vai trò hết sức quan trọng. Đây là những tri thức quyết định kết quả đọc hiểu xét từ góc độ người đọc với tư cách là người “kiến tạo” ý nghĩa văn bản.

Đối với việc dạy học đọc hiểu văn bản thơ trữ tình trong SGK Ngữ văn THPT, chương trình GDPT môn Ngữ văn hiện hành (2006) cũng đã đưa ra yêu cầu về việc người học phải biết cách đọc hiểu một tác phẩm thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại. Đặc biệt, ở CTPT môn Ngữ văn 2018, với mục tiêu hình thành và phát triển năng lực của người học, những yêu cầu về đọc hiểu văn bản thơ trữ tình đã được thể hiện rất rõ “1. Đọc hiểu nội dung: - Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong văn bản. - Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản. 2. Đọc hiểu hình thức: -Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ...3. Liên hệ, so sánh, kết nối: – Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản đồng thời thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản. – Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của văn bản thơ trữ tình đối với người đọc hiện nay.” Trên cơ sở những yêu cầu này, căn cứ vào đặc trưng của thể loại văn bản, chúng tôi đã xác định các bước đọc hiểu văn bản thơ trữ tình trong một cuốn sách của chúng tôi [7; tr55].

- Biết rõ tên bài thơ, tập thơ, tác giả, hoàn cảnh ra đời.

- Đọc kĩ bài thơ để xác định nhân vật trữ tình – người đang giải bày, thổ lộ tình cảm trong thơ.

- Phân tích hình ảnh thơ, ngôn từ thơ, biểu tượng thơ, giọng điệu trong thơ... để khám phá những cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình (tâm trạng thuần nhất, tâm trạng phức hợp...)

- Dùng liên tưởng, tưởng tượng để hình dung về thế giới tự nhiên, xã hội, con người... được tác giả biểu hiện qua ngôn ngữ thơ.

- Dùng năng lực phán đoán, khái quát để nắm bắt tư tưởng, quan niệm của tác giả được thể hiện kín đáo đằng sau nội dung cảm xúc của bài thơ.

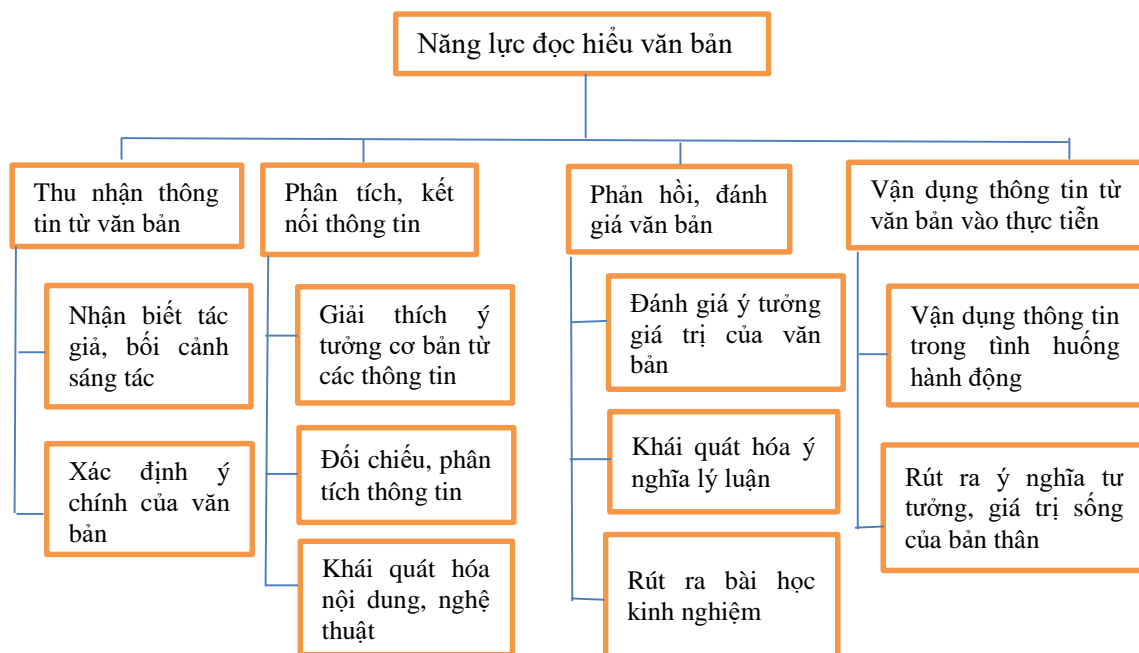
- Từ bài thơ, liên hệ với bản thân và cuộc sống xung quanh để thấy ý nghĩa của bài thơ đối với cuộc sống, con người.

Các bước đọc hiểu này sẽ là nền tảng khoa học để chúng tôi thiết lập một quy trình dạy học đọc hiểu văn bản thơ trữ tình từ lí thuyết tín hiệu thẩm mỹ.

2.3. Nguyên tắc của việc dạy học đọc hiểu văn bản thơ trữ tình từ lí thuyết tín hiệu thẩm mỹ

2.3.1. Dạy học đọc hiểu văn bản thơ trữ tình từ lí thuyết tín hiệu thẩm mỹ được xây dựng dựa trên mô hình hình thành năng lực đọc hiểu văn bản nói chung và đọc hiểu văn bản thơ trữ tình nói riêng

Theo Nguyễn Thị Hồng Vân, năng lực đọc hiểu bao gồm 4 thành tố: A. Xác định các thông tin từ văn bản về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, cốt truyện, ý tưởng, thông điệp... ; B. Phân tích, kết nối các thông tin để xác định giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của văn bản, từ văn bản; C. Phản hồi và đánh giá văn bản: phản hồi, đánh giá thông tin thể hiện trong văn bản và qua văn bản từ kinh nghiệm cá nhân; D. Vận dụng thông tin từ văn bản vào thực tiễn: sử dụng các thông tin trong văn bản để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong học tập và trong đời sống. Từ 4 thành tố này, tác giả đã xác định 10 chỉ số hành vi tương ứng và biểu thị bằng mô hình cấu trúc năng lực đọc hiểu văn bản sau [8].



Trên cơ sở mô hình lí thuyết chung về đọc hiểu cho tất cả các kiểu loại văn bản, chúng tôi cho rằng đối với văn bản văn học, đặc biệt là văn bản thơ trữ tình, năng lực đọc hiểu được thể hiện như sau:

- Nhận biết khái quát về văn bản

Yêu cầu này đòi hỏi người học thu nhận những thông tin khái quát về văn bản như nhan đề, tác giả, bối cảnh sáng tác, bố cục; ý chính mỗi phần, đoạn thơ... Từ những thông tin khái quát này, người học sẽ có những phán đoán về nội dung của văn bản.

- Nhận hiểu văn bản

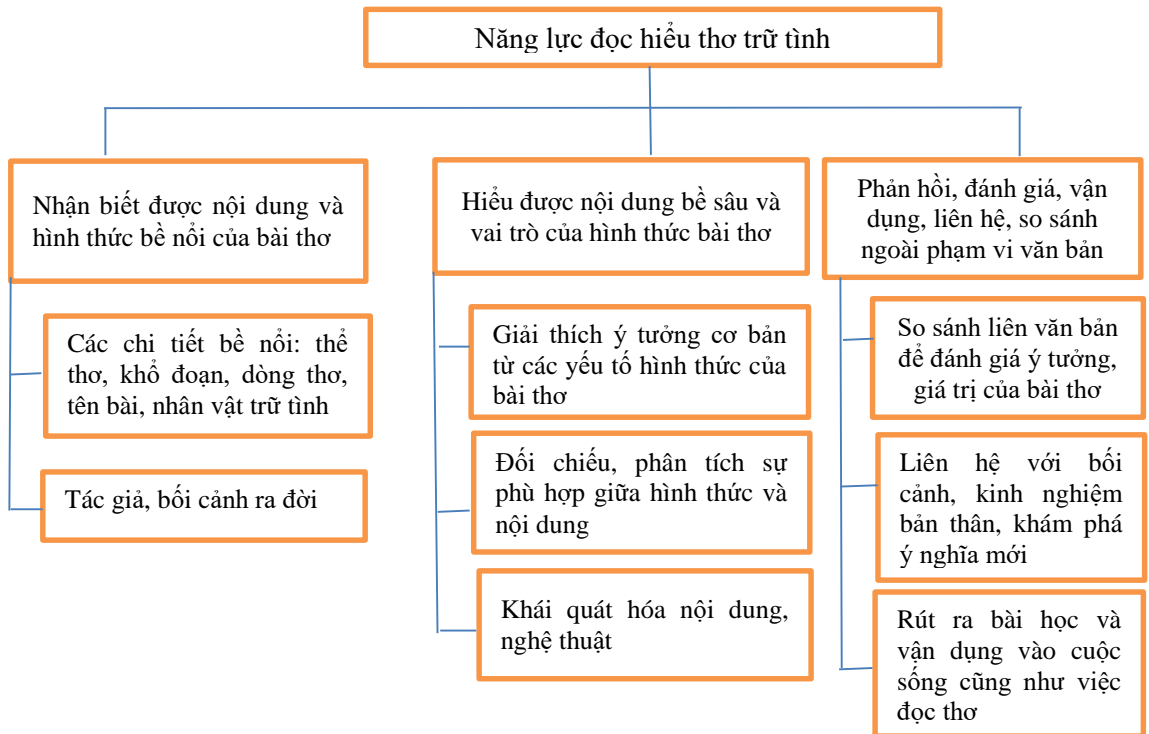
Để nhận hiểu giá trị nội dung, chủ đề tư tưởng của văn bản, người học cần dựa vào những yếu tố hình thức và phân tích, kết nối chúng. Trong văn bản thơ trữ tình, những yếu tố về đặc trưng thể loại, đặc trưng ngôn ngữ thơ là những yếu tố có vai trò quan trọng giúp người học có thể cảm nhận được cái hay, cái đẹp của tác phẩm trữ tình.

Đặc trưng cơ bản của thơ trữ tình là tính chất trữ tình tức là sự bộc lộ tình cảm, cảm xúc mãnh liệt của chủ thể trữ tình trong tác phẩm. Cho nên, bất kì hiện thực nào đi vào trong thơ cũng là để biểu hiện “niềm vui, nỗi buồn, thú say mê, sự đau khổ, nỗi lo lắng, niềm an ủi... nảy sinh trong tác giả hoặc nhân vật trữ tình mà tác giả nhân danh phát biểu. Bên cạnh đó, ngôn ngữ thơ trữ tình cũng có những nét riêng biệt, không trộn lẫn, góp phần đắc lực trong việc thể hiện những tư tưởng, cảm xúc, trạng thái nhiều màu vẻ của con người. Đó là ngôn ngữ hàm súc, cô đọng, giàu hình ảnh, giàu nhạc tính vừa tác động đến thị giác, thính giác vừa tác động đến trí tưởng tượng của con người.

- Đánh giá văn bản

Bên cạnh việc đánh giá tổng quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản, người học cũng cần đánh giá tác động của văn bản với những yếu tố ngoài văn bản như bối cảnh lịch sử, văn hóa, cảm quan của người đọc, những văn bản thể loại tương tự và rút ra ý nghĩa tư tưởng, giá trị sống của cá nhân.

Dưới đây là mô hình khái quát yêu cầu đọc hiểu thơ trữ tình [9].



2.3.2. Dạy học đọc hiểu văn bản thơ trữ tình từ lí thuyết tín hiệu thẩm mỹ phải dựa trên cơ sở của lí thuyết tín hiệu nói chung và tín hiệu thẩm mỹ nói riêng cũng như đáp ứng những vấn đề cơ bản của tín hiệu thẩm mỹ

Lấy lí thuyết tín hiệu thẩm mỹ làm hệ quy chiếu để đọc hiểu văn bản thơ trữ tình, người giảng dạy cần lưu ý một số vấn đề cơ bản trong lí thuyết tín hiệu thẩm mỹ:

Thứ nhất là đặc trưng của tín hiệu thẩm mỹ hay sự chuyển hóa từ tín hiệu ngôn ngữ thông thường thành tín hiệu thẩm mỹ trong nghệ thuật văn chương. Với ý nghĩa đó, sau khi lựa chọn tín hiệu ngôn ngữ được sử dụng trong tác phẩm với tư cách là tín hiệu thẩm mỹ, người giảng dạy cần nhận diện được quá trình chuyển hóa và phân tích hiệu quả và giá trị thẩm mỹ được gọi ra từ tín hiệu thẩm mỹ này.

Thứ hai là tính chất của tín hiệu thẩm mỹ trong loại hình văn bản văn chương. Đó là tính chất hình tuyến, tính hàm súc, tính cá thể, tính biểu cảm và tính hệ thống. Những tính chất này chính là những chỉ dẫn cần thiết để người giảng dạy cảm thụ và lĩnh hội chính xác những tín hiệu thẩm mỹ trong văn bản.

Thứ ba là phương thức cấu tạo tín hiệu thẩm mỹ. Đây được coi là cái “cốt lõi” của tín hiệu thẩm mỹ, làm rõ được cơ chế hình thành này, người giảng dạy sẽ đưa ra một cái nhìn hợp lí và tương đối chính xác về ý nghĩa thẩm mỹ của tín hiệu.

Thứ tư là sự phối ứng của các tín hiệu thẩm mỹ trong văn bản. Đây được coi là một nguyên tắc trong sự phân tích các tín hiệu thẩm mỹ bởi tín hiệu thẩm mỹ không bao giờ tồn tại một cách biệt lập trong văn bản mà luôn có mối quan hệ với những yếu tố cùng hiện diện khác.

2.4. Quy trình của việc dạy học đọc hiểu văn bản thơ trữ tình từ lí thuyết tín hiệu thẩm mỹ

Để dạy học đọc hiểu văn bản thơ trữ tình trên cơ sở lí thuyết tín hiệu thẩm mỹ, người dạy và người học cần thực hiện theo một quy trình gồm 3 bước lớn. Các bước này được xây dựng trên

trực lí thuyết tín hiệu thẩm mĩ đồng thời có vận dụng những yêu cầu của lí thuyết đọc hiểu văn bản từ đặc trưng thể loại:

2.4.1. Xác định tín hiệu thẩm mĩ trong văn bản thơ trữ tình

Xác định đúng các tín hiệu thẩm mĩ trong văn bản thơ trữ tình là bước đầu tiên trong hành trình “khai mở” giá trị nội dung, chủ đề tư tưởng của văn bản. Để xác định đúng các tín hiệu thẩm mĩ, người dạy và người học cần thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Đọc khái quát toàn bộ văn bản, dựa vào những tri thức đọc hiểu về tác giả, về bối cảnh sáng tác tác phẩm, về nội dung tác phẩm, người đọc sẽ có những cảm nhận chung nhất, khái quát nhất về nội dung của văn bản.

Thí dụ, văn bản được lựa chọn để đọc hiểu là bài thơ “Vội vàng” (Xuân Diệu) trích trong SGK Ngữ văn cơ bản 11 tập 2. Trên cơ sở đọc toàn bộ bài thơ, người dạy và người học sẽ có những cảm nhận chung nhất về nội dung của bài thơ này là lời giục giã hãy sống mãnh liệt, sống hết mình, hãy quý trọng từng giây, từng phút của cuộc đời, nhất là những tháng năm tuổi trẻ.

Đồng thời, người dạy và người học cũng dựa vào một hệ thống tri thức đọc hiểu về tác giả Xuân Diệu, về hoàn cảnh ra đời bài thơ Vội vàng để hướng tới khẳng định cảm nhận chung về nội dung của bài thơ là hợp lí. Hệ thống tri thức đọc hiểu đóng vai trò là công cụ để định hướng quá trình đọc hiểu như sau:

- Xuân Diệu là nhà thơ của tình yêu, của mùa xuân và tuổi trẻ với giọng thơ sôi nổi, đắm say, yêu đời thẩm thiết.
- Xuân Diệu đem đến cho thơ ca đương thời một sức sống mới, một nguồn cảm xúc mới thể hiện quan niệm sống mới mẻ.
- Bài thơ “Vội vàng” được in trong tập “Thơ thơ” (1938) – một tập thơ tiêu biểu trước cách mạng tháng Tám. Nội dung chính của tập thơ là sự ca ngợi tình yêu, sự sống, niềm vui và khát vọng đam mê sống trên cõi trần thế.

Những tri thức đọc hiểu này là cơ sở để người dạy và người học có những phán đoán sát thực về ý nghĩa chủ đề của văn bản cũng như tư tưởng nghệ thuật của thi sĩ Xuân Diệu.

Bước 2: Trên cơ sở đặc trưng cơ bản về văn bản thơ trữ tình, người giảng dạy sẽ tiến hành xác định tín hiệu thẩm mĩ trong thơ. Để xác định đúng các tín hiệu thẩm mĩ này, cần nắm chắc một số căn cứ như sau:

- Xét về phương tiện ngôn ngữ, tín hiệu thẩm mĩ có thể được xây dựng từ các yếu tố ngữ âm, từ vựng, cú pháp và văn bản.
- Tín hiệu thẩm mĩ có vai trò làm nổi bật chủ đề của văn bản, mang thông điệp, tư tưởng, cảm xúc của nghệ sĩ.

Tiến hành xác định chính xác các tín hiệu thẩm mĩ trên cơ sở những phán đoán về chủ đề đã được thực hiện trong bước 1 là nội dung cơ bản của bước 2. Vừa bám sát từng chi tiết của văn bản vừa đối chiếu những chi tiết này với nội dung khái quát (đã được hình dung sơ bộ trong bước 1) của văn bản là nguyên tắc của việc xác định những tín hiệu thẩm mĩ.

Thí dụ, cũng trong bài thơ *Vội vàng*, người đọc có thể tiếp cận các tín hiệu thẩm mĩ theo mạch thơ. Những dòng thơ đầu tiên là khát vọng mãnh liệt và cũng là ý tưởng vô cùng táo bạo của Xuân Diệu:

*Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi*

(Trích “Vội vàng” – Xuân Diệu, Ngữ văn 11 cơ bản tập 2)

Cái ước muốn lạ kì của thi sĩ, cái ước muốn làm nên một cái Tôi thơ Mới độc đáo được thể hiện rất rõ ở hai động từ mạnh tất (nắng), buộc (gió). Đây là hai động từ ngoại động và cùng có chung nét nghĩa “làm cho sự vật mất đi hay không phát triển được” (tất: làm cho thôi không còn cháy, không còn sáng nữa; buộc: làm cho bị giữ chặt ở một vị trí bằng sợi dây). Đặc biệt, hai động từ này nằm trong hai cấu trúc tình thái rất đáng lưu ý “tôi muốn tất”, “tôi muốn buộc”. Hai cấu trúc tình thái đã thể hiện ý muốn chủ quan và chủ động của chủ thể thực hiện hành động. Lẽ thường, người đời hay nói “nắng tất” nhưng ở đây thi sĩ lại dùng “tất nắng” đặc biệt là “tôi muốn tất nắng”. Tương tự, “buộc gió” và “tôi muốn buộc gió” cũng vậy. Điều đó cho thấy, nội dung mà thi sĩ muốn chuyển tải không phải đơn thuần là hiện tượng thiên nhiên mà là hành động thuộc về ý chí của con người: con người muốn làm thay đổi quy luật, muốn cưỡng lại bước đi của thời gian. Với ý nghĩa đó, tín hiệu thẩm mỹ “tất” “buộc” thuộc phạm trù từ vựng cũng như kết cấu cú pháp “tôi muốn tất nắng”, “tôi muốn buộc gió” đã góp phần thể hiện một tâm lòng ham sống, ham yêu vô cùng mãnh liệt và cháy bỏng.

Đoạn thơ thứ 2 là một bức tranh nhiều màu sắc với những hình ảnh thiên nhiên thơ mộng, đẹp đẽ đến nao lòng:

*Của ong bướm này đây tuần tháng mật;
Này đây hoa của đồng nội xanh rì;
Này đây lá của cành tơ phơ phất;
Của yến anh này đây khúc tình si;
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi,
Mỗi buổi sớm, thần Vui hằng gõ cửa
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;
Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa;
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.*

(Trích *Vội vàng* – Xuân Diệu, *Ngữ văn 11* cơ bản tập 2)

Một “thiên đường trên mặt đất” mở ra trước mắt người đọc với đa dạng màu sắc, thanh âm, hương thơm, vị ngọt. Các tín hiệu thẩm mỹ xuất hiện liên tiếp đã giúp người đọc tái hiện bức tranh vườn xuân đầy màu vẽ: ong bướm, tuần tháng mật, hoa của đồng nội, cành tơ phơ phất, khúc tình si, ánh sáng chớp hàng mi, tháng giêng ngon như một cặp môi gần. Bức tranh xuân của cảnh vật trong con mắt của thi nhân cũng trở nên biếc rờn, tình tứ. Cảnh vật thấm đẫm chất “yêu”, ngọt ngào men say tình ái. Bên cạnh các tín hiệu thẩm mỹ thuộc phạm vi từ vựng như ong bướm, tuần tháng mật, cành tơ, khúc tình si... thì tín hiệu thẩm mỹ thuộc về cấu trúc cú pháp tháng giêng ngon như một cặp môi gần cũng thể hiện sự táo bạo của nhà thơ. Tư duy táo bạo đã làm cho cái logic ngôn ngữ thông thường bị phá vỡ. Cảm nhận tháng giêng ngon là cách cảm nhận mang tính chất hữu hình hóa đối tượng. Nhà thơ không chỉ cảm nhận tháng giêng bằng thị giác, thính giác mà còn cảm nhận thông qua xúc giác, vị giác. Ở đây có sự tương giao về giác quan theo trường phái thơ tượng trưng Pháp. Đó còn là chưa nói đến phép so sánh rất độc đáo và chưa bao giờ xuất hiện trong thơ Việt. Hình ảnh tháng giêng hiện lên đầy gợi cảm, nồng nàn nhưng cũng trong sáng và thanh cao. Cặp môi gần cũng là một tín hiệu thẩm mỹ đặc biệt thể hiện hình ảnh về những hôn trần thế của con người.

Như thế, để xác định đúng những tín hiệu thẩm mỹ thuộc các bình diện trong văn bản thơ ca, người dạy và người học cần vận dụng tất cả những tri thức đọc hiểu và kinh nghiệm đọc hiểu của bản thân để đọc “đúng” mạch tư tưởng của nghệ sĩ.

2.4.2. Phân tích cơ chế xây dựng của tín hiệu thẩm mỹ và đánh giá ý nghĩa của nó trong việc đọc hiểu văn bản.

Như trên đã nói, các tín hiệu thẩm mỹ trong văn bản thơ ca đều bắt nguồn từ tín hiệu ngôn ngữ thông thường. Thông qua cơ chế chuyển đổi về ý nghĩa mà tín hiệu thẩm mỹ đã có những

thay đổi về chất. Vì thế, trong đọc hiểu văn bản thơ ca, sau khi đã xác định đúng tín hiệu thẩm mỹ, người giảng dạy cần phải phân tích cụ thể cơ chế sản sinh ý nghĩa thẩm mỹ. Cơ chế này được thể hiện ở hai phương thức chính là ẩn dụ và hoán dụ.

Ẩn dụ là phương thức dựa trên sự tương đồng nào đó giữa đối tượng trong hiện thực thông qua tín hiệu ngôn ngữ với tín hiệu thẩm mỹ. Thí dụ, tín hiệu thẩm mỹ “con tàu” trong bài thơ *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên là một tín hiệu thẩm mỹ có tính chất biểu tượng. Bởi thực tế, hoàn toàn chưa hề có đường tàu và con tàu lên Tây Bắc. Nhà thơ đã sử dụng phương thức ẩn dụ dựa trên sự giống nhau về tính chất chuyển động trong hành trình để thể hiện tâm hồn khát khao lên đường, khát khao vượt khỏi cuộc sống chật hẹp, quanh quẩn để đi đến với cuộc đời rộng lớn.

*Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc
Khi lòng ta đã hoá những con tàu
Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát
Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu.*

(Trích *Tiếng hát con tàu* – Chế Lan Viên, *Ngữ văn 12* cơ bản tập 1)

Từ ý nghĩa biểu trưng của tín hiệu thẩm mỹ “con tàu”, người đọc cũng có thể nhận ra ý nghĩa biểu tượng của “Tây Bắc” – cuộc sống lớn của nhân dân và đất nước, cội nguồn của cảm hứng sáng tạo nghệ thuật. Tiếng hát con tàu cũng vì lẽ đó đã thể hiện một cái nhìn mới của nhà thơ trước cuộc đời, trước con người, trong đó việc hoà mình vào cuộc sống mới, cuộc sống của nhân dân, của đất nước chính là những suy tư đau đáu của Chế Lan Viên.

Như thế, với phương thức ẩn dụ, người phân tích tín hiệu thẩm mỹ cần chỉ rõ cơ chế liên tưởng tương đồng cụ thể giữa tín hiệu ngôn ngữ mang ý nghĩa ngôn ngữ với ý nghĩa thẩm mỹ được tạo ra. Cơ chế liên tưởng này chính là nội hàm để nhận biết giá trị của tín hiệu thẩm mỹ.

Để xây dựng tín hiệu thẩm mỹ trong sáng tác văn chương, bên cạnh việc sử dụng phương thức chuyển nghĩa ẩn dụ, nhà văn còn dùng phương thức chuyển nghĩa hoán dụ. Hoán dụ là phương thức chuyển nghĩa (lấy tên gọi của đối tượng này cho đối tượng khác) dựa trên mối quan hệ tương cận, tức là thường xuyên đi đôi với nhau, kéo theo nhau hay tồn tại song song với nhau. Cũng tương tự như cách xây dựng tín hiệu thẩm mỹ theo phương thức ẩn dụ, để xây dựng tín hiệu thẩm mỹ theo phương thức hoán dụ, nhà văn phải thực hiện nhiều công đoạn:

- Quan sát, nhận thức, cảm nhận, phát hiện ra đối tượng hàm chứa sự tương cận với ý nghĩa thẩm mỹ định thể hiện

- Lựa chọn và sử dụng từ ngữ gọi tên đối tượng trong hiện thực

- Chuyển hoá tín hiệu ngôn ngữ thành tín hiệu thẩm mỹ: giữ nguyên cái biểu đạt, nhưng chuyển cái được biểu đạt của tín hiệu ngôn ngữ thành cái được biểu đạt của tín hiệu thẩm mỹ (ý nghĩa thẩm mỹ). Đồng thời, khi xây dựng tín hiệu thẩm mỹ theo phương thức hoán dụ cũng có thể xuất phát từ nhiều phương diện khác nhau của mối quan hệ tương cận. Đọc “*Tương tư*” của Nguyễn Bính, không ai là không nhớ những câu thơ phức hợp cảm xúc, dậy lên như từng đợt sóng trong lòng:

*Thôn Đoài ngời nhớ thôn Đông,
Một người chín nhớ mười mong một người.
Gió mưa là bệnh của giời
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.*

...

*Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông
Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?*

(Trích *Tương tư* – Nguyễn Bính, *Ngữ văn 11*, tập 2)

Cái tứ Thôn Đoài nhớ thôn Đông tạo thành hiệu ứng đầu cuối tương ứng trong *Tương tư* và cái tứ này cũng là cái tứ điển hình của thơ Nguyễn Bính. Nhà thơ đã sử dụng lối hoán dụ quen thuộc trong ca dao xưa để thể hiện nỗi nhớ nhung, tương tư người tình giăng mắc khắp không gian. Đây là phép hoán dụ dựa trên mối quan hệ liên tưởng tương cận lấy tên địa danh để chỉ người ở địa danh đó: thôn Đoài chỉ người ở thôn Đoài, cụ thể là chàng trai thôn Đoài; thôn Đông để chỉ người ở thôn Đông, cụ thể là cô gái thôn Đông. Rõ ràng phép hoán dụ mới mẻ phù hợp với cách nói lấp lửng bóng gió trong tình yêu đôi lứa đã tạo ra nét đẹp riêng, nét đẹp dân dã “quê mùa” của thơ Nguyễn Bính.

Như thế, với việc phân tích cơ chế xây dựng tín hiệu thẩm mỹ, người dạy và người học sẽ hiểu một cách rõ rệt về con đường tạo nghĩa của chúng. Điều này khiến cho việc đọc hiểu văn bản thơ ca được soi sáng bằng những lí thuyết khoa học tránh việc thụ cảm chủ quan, phiến diện. Đồng thời, cá tính sáng tạo và phong cách ngôn ngữ của tác giả cũng được thể hiện rõ thông qua những hướng liên tưởng tinh tế và rộng mở này.

2.4.3. Phân tích tín hiệu thẩm mỹ trong tính hệ thống của văn bản văn chương

Tính hệ thống là điều kiện của cái đẹp. Một yếu tố ngôn ngữ chỉ đẹp trong cái hệ thống phù hợp với nó (Đỗ Hữu Châu). Điều này hoàn toàn đúng đối với tác phẩm văn chương. Tác phẩm văn chương là một thể thống nhất được cấu tạo từ nhiều hệ thống. Ở phạm vi bao quát nhất, là hai hệ thống cấu trúc bề mặt và cấu trúc bề sâu thông qua hệ thống hình tượng của văn bản. Những hệ thống khái quát này lại chứa đựng nhiều tiểu hệ thống tồn tại trong nó tạo nên những mối quan hệ dung hợp trong lòng văn bản. Đặc biệt, đối với những văn bản văn chương mà cấu trúc ngữ nghĩa của nó là một cấu trúc được tổ chức lại bằng ẩn dụ hoặc hoán dụ thì việc giải mã các tín hiệu thẩm mỹ bắt buộc phải dựa trên tính hệ thống của hệ thống tín hiệu trong văn bản.

Để phân tích tín hiệu thẩm mỹ trong tính hệ thống của văn bản văn chương hướng tới xác định một cách chính xác nội dung ý nghĩa của văn bản, theo chúng tôi người dạy và người học cần thực hiện một số bước sau:

- Thứ nhất: xác định các trường nghĩa được thể hiện trong văn bản (trong trường nghĩa lưu ý cả hiện tượng đồng nghĩa, trái nghĩa)

- Thứ hai: phân lập các trường nghĩa đã xác định trong văn bản căn cứ vào cấu trúc bề mặt và bề sâu của văn bản.

- Thứ ba: tìm ra mối liên hệ giữa cấu trúc bề mặt và bề sâu của văn bản thông qua những tín hiệu thẩm mỹ có chức năng chỉ dẫn, định hướng ý nghĩa đích thực của văn bản.

Đọc *Tràng giang* của Huy Cận, chúng ta nhận thấy lớp nghĩa sự vật logic của ngôn từ là bức tranh thiên nhiên sông nước rộng lớn (*sóng, gợn, tràng giang, thuyền, xuôi mái, nước, cồn, gió, nắng xuống, trời lên, sông dài, trời rộng, bèo dạt, chuyền đò ngang, cầu, bờ xanh, bãi vàng, mây cao, núi bạc, chim, bóng chiều, con nước*). Một trường từ ngữ thiên nhiên sông nước liên hội với nhau tạo nên một thể thống nhất về ngôn từ. Tuy nhiên, cái hay của “Tràng giang” không chỉ ở cái biểu hiện mà còn là cái được biểu hiện. Những hình ảnh thiên nhiên cũng thực hiện chức năng thẩm mỹ nhất định: chức năng biểu hiện hình tượng cảm xúc về những suy ngẫm của nhà thơ về thế cuộc. Điều này được thể hiện rất rõ thông qua trường nghĩa về tâm sự của tác giả (*buồn điệp điệp, sầu trăm ngả, cô liêu, nhớ nhà*). Đó là nỗi buồn vô tận của nhà thơ trước cuộc đời, nỗi buồn của thế hệ thanh niên trí thức trong những năm tháng mất nước.

Tương tự, bài thơ *Tự tình 2* của Hồ Xuân Hương dưới đây cũng là một thí dụ

*Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn
Trơ cái hồng nhan với nước non
Chén rượu hương đưa say lại tỉnh
Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn
Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám*

*Đám toạc chân mây, đá mấy hòn
Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại
Mảnh tình san sẻ tí con con!*

(Trích *Tự tình 2* – Hồ Xuân Hương, *Ngữ văn 11* cơ bản tập 1)

Có hai trường nghĩa được thể hiện trong bài thơ này: trường nghĩa về sự vật, hiện tượng, không gian, thời gian (đêm khuya, trống canh, vầng trăng bóng xế, mặt đất, chân mây, rêu từng đám, đá mấy hòn, xuân) và trường nghĩa chỉ tâm trạng của nữ sĩ (trơ, say, tỉnh, ngán, san sẻ). Trong đó, trường nghĩa thứ nhất là nền, là cảnh, là gợi dẫn để người đọc có thể đến với cõi sâu của tâm hồn Xuân Hương (thể hiện thông qua những từ ngữ ở trường nghĩa thứ hai). Nỗi niềm của Xuân Hương trước duyên phận và cuộc đời mình trải qua ba cung bậc khác nhau: đau đớn, xót xa – mạnh mẽ, cứng cỏi – bất hạnh. Tất nhiên, ngoài sự phối ứng từ ngữ này, cũng phải nhận thấy, tính hình tượng trong ngôn ngữ thơ ca cũng phát huy vai trò của nó trong việc nhận diện ý nghĩa bề sâu của văn bản.

Như thế, để phân tích tín hiệu thẩm mỹ trong văn bản văn chương, người dạy và người học cần phải đi theo một quy trình bắt đầu từ việc xác định đúng tín hiệu thẩm mỹ trong văn bản, phân tích cơ chế hình thành của những tín hiệu thẩm mỹ này và hướng đến xem xét mối quan hệ giữa tín hiệu thẩm mỹ và cấu trúc hình tượng của thơ ca. Trong mối quan hệ này, người nghiên cứu nhất thiết phải làm rõ sự tương tác giữa các tín hiệu thẩm mỹ để tạo ra một chỉnh thể nghệ thuật thể hiện tư tưởng của nghệ sĩ.

3. Kết luận

3.1. Dạy đọc văn bản thể nào để thực sự hiệu quả là câu hỏi không ngừng được trả lời trong lĩnh vực nghiên cứu về vấn đề đọc hiểu. Đặc biệt đối với thể loại thơ ca trữ tình, một thể loại đặc biệt của văn bản văn học, vấn đề đọc hiểu như thế nào để có thể tiếp nhận và giải mã hình tượng thơ ca, hướng tới nhận hiểu tư tưởng của nghệ sĩ cũng có những ý nghĩa quan trọng.

3.2. Việc ứng dụng lí thuyết tín hiệu thẩm mỹ trong ngôn ngữ học để phân tích văn bản thơ ca bắt nguồn từ nguyên tắc chung về con đường của việc phân tích văn bản văn chương: con đường đi từ hình thức đến nội dung. Nhờ ứng dụng lí thuyết này, việc phân tích văn bản đã dần dần được “lượng hóa” theo một quy trình nhất định, vì thế văn bản được nhận hiểu một cách khách quan, toàn diện, tránh lối suy diễn, áp đặt, “tuyên ngôn”.

3.3. Xây dựng quy trình đọc hiểu văn bản thơ ca trên cơ sở lí thuyết tín hiệu thẩm mỹ theo 3 bước đã phản ánh đầy đủ quá trình từ thấp đến cao: từ xác định tín hiệu đến phân tích tín hiệu; từ việc nhận diện những tín hiệu thẩm mỹ đơn đến việc khái quát để hình thành tín hiệu thẩm mỹ phức; từ cấu trúc ngôn ngữ thuần túy của văn bản đến cấu trúc hình tượng có chủ ý của nghệ sĩ. Từ việc thực hiện quy trình này, người dạy và người học sẽ hình thành một con đường đọc hiểu văn bản thơ ca khoa học, toàn diện và có hệ thống.

Ghi chú: Nghiên cứu này được tài trợ từ nguồn kinh phí Khoa học Công nghệ của Trường ĐHSP Hà Nội 2 cho đề tài mã số C.2020 – SP2- 02

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] N.A. Gulaiep, 1982. *Lí luận văn học*. Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
- [2] Trần Thanh Đạm (chủ biên), 1971. *Vấn đề giảng dạy tác phẩm văn học theo loại thể*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Phan Trọng Luận, 2008. *Phương pháp dạy học Văn*. Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [4] Nguyễn Viết Chữ, 2005. *Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương (theo loại thể)*. Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

- [5] Đỗ Hữu Châu, 2005. *Đỗ Hữu Châu tuyển tập, tập 2*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Bùi Minh Toán, 2012. *Ngôn ngữ với văn chương*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
- [7] Bùi Minh Đức (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Tuyết Minh, Lê Thị Thùy Vinh (Chủ biên), 2020. *Đọc hiểu mở rộng văn bản Ngữ văn 12 theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018*. Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Thị Hồng Vân, 2013. *Phát triển CT GDPT môn Ngữ văn theo hướng tiếp cận năng lực*. Kì yếu Hội thảo khoa học quốc gia về dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam. Nxb Đại học Sư phạm. tr.179 – 186.
- [9] Nguyễn Thị Thanh Lâm, 2017. *Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản thơ trữ tình cho học sinh THPT qua hệ thống bài tập*. Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [10] Đỗ Hữu Châu, 1990. “Những luận điểm về cách tiếp cận ngôn ngữ các sự kiện văn học”. *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 2, tr. 8 -11.
- [11] Trương Thị Nhàn, 1995. *Sự biểu đạt bằng ngôn ngữ các tín hiệu thẩm mỹ – không gian trong ca dao*. Luận án Tiến sĩ Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [12] Mai Thị Kiều Phương, 2008, *Tín hiệu thẩm mỹ trong ngôn ngữ văn học*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [13] Bùi Trọng Ngoãn, 2017, *Tiếp cận tác phẩm thơ ca dưới ánh sáng ngôn ngữ học hiện đại*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

ABSTRACT

A teaching procedure of reading comprehension of romantic poetry in high school textbooks from theory to aesthetic signals

Le Thi Thuy Vinh

Faculty of Philology, Hanoi Pedagogical University 2

How to teach reading effectively is a frequently discussed topic in the field of reading comprehension. For romantic poetry, a specific genre of literary writing, how to read, recognize, and decode poetic image to interpret the ideas of poets, has many significant meanings. This paper will apply aesthetic signal theory, which plays an important role in resolving the relationship between the linguistic and semantic aspects of a text to establish a teaching procedure for reading comprehension of romantic poetry in high school textbooks. With this process, teachers will have scientific grounds for decoding romantic poetry.

Keywords: teaching procedure, reading comprehension, romantic poetry, aesthetic signals